

Thứ sáu, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/11/2019		•	
Tuần 18/11-22/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục giao dịch giằng co trong phiên sáng khi VNM, VCB, và MBB liên tục gây áp lực. Phần lớn thời gian còn lại, chỉ số chỉ vận động trong biên độ hẹp quanh mốc tham chiếu và chính thức lùi về ngưỡng 1,010.03 trước áp lực bán gia tăng tại VNM, VCB, BID. Thị trường có phiên giảm điểm liên tiếp với thanh khoản duy trì ở mức trung bình. Tiến trình đàm phán thương mại Mỹ-Trung trì trệ phần nào ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trong tuần vừa qua. Tuy nhiên, việc HOSE sẽ chính thức triển khai 3 chỉ số đầu tư mới bao gồm VN Diamond, VNFIN Lead và VNFIN Select dự kiến sẽ tạo động lực mới cho chỉ số. Đồng thời giải quyết bài toán hết room ngoại tại các doanh nghiệp được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm.

Hợp đồng tương lai: HDTL có sự phân hóa về giá trong phiên hôm nay. VN30F1911 và VN30F1912 đều tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2006 đều giảm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. FPT giảm mạnh sau khi lập đỉnh tại ngưỡng 61. Thanh khoản tăng trong những phiên gần đây đồng thuận cùng tín hiệu giảm bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của FPT có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí_0.4%. 10/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan hơn VNINDEX**. Đặc biệt, Danh mục **Dầu khí** - với diễn biến tích cực của giá dầu cải thiện kỳ vọng đối với các dự án lớn được triển khai - có mức hiệu suất trong phiên ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.2%.

Phân tích kỹ thuật: NDN_Vận động vững vàng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.27 điểm**, đóng cửa 1,010.03. HNX-Index **-0.21 điểm**, đóng cửa 106.03.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.85); VIC (+0.29); VPB (+0.29); MWG (+0.22); TCB (+0.21).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.44); VCB (-1.29); BID (-0.59); MSN (-0.24); HDB (-0.18).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,335 tỷ đồng**, **-13.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.06 điểm. Thị trường có 135 mã tăng, 70 mã giảm và 184 mã tham chiếu.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **181.07 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (149.56 tỷ), ROS (24.89 tỷ) và VIC (15.51 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.79 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1010.03

Giá trị: 3335.84 tỷ

-2.27 (-0.22%)

Khối ngoại (ròng): -181.1 tỷ

HNX-INDEX

106.03

Giá trị: 238.16 tỷ

-0.21 (-0.2%)

Khối ngoại (ròng): 2.79 tỷ

UPCOM-INDEX

57.00

Giá trị: 198.66 tỷ

0.29 (0.51%)

Khối ngoại(ròng): 24.37 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.9	0.14%
Giá vàng	1,466	-0.34%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,551	-0.31%
Tỷ giá JPY/VND	21,376	-0.12%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	13.98%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	56.7	VNM	149.6
PVT	7.0	ROS	24.9
DIG	4.1	VIC	15.5
VCI	3.1	POW	13.3
LCG	2.6	VCB	11.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **10/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, Danh mục **Dầu khí** - với diễn biến tích cực của giá dầu cải thiện kỳ vọng đối với các dự án lớn được triển khai - có mức hiệu suất trong phiên ấn tượng **0.4%**, con số này của VNINDEX là -0.2%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **11/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	0.4%	0.4%	3.5%	0.1%	-6.4%	3.9%	23.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.3%	-0.3%	2.2%	0.8%	5.2%	11.2%	66.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-2.6%	-0.7%	4.0%	12.2%	17.6%	82.4%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	-1.3%	0.1%	1.9%	3.2%	9.1%	6.3%
Nước & Năng lượng	0.2%	0.3%	1.6%	0.9%	-2.7%	15.8%	55.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	-2.1%	0.5%	6.8%	20.3%	36.0%	132.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	-2.0%	0.9%	2.9%	9.5%	20.2%	95.3%
Lãi suất giảm	-0.1%	-2.4%	-3.3%	-2.1%	-2.6%	2.8%	48.8%
Ngân hàng	-0.1%	-1.6%	0.8%	11.4%	15.5%	19.1%	90.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.2%	-2.0%	0.7%	9.2%	7.6%	8.7%	47.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-0.5%	0.4%	-3.4%	-4.7%	18.3%	49.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	-2.3%	-2.6%	-0.8%	-3.3%	-1.1%	-1.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	-1.6%	1.0%	-3.9%	-8.6%	-9.6%	49.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	-2.9%	-0.5%	2.2%	5.2%	11.5%	74.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-1.6%	1.8%	1.6%	-0.4%	11.1%	82.1%
FTSE Việt Nam	-0.6%	-1.8%	2.3%	2.7%	2.7%	15.2%	91.1%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	-1.0%	-3.1%	-1.3%	2.7%	11.5%	61.1%
Xây dựng	-0.8%	-3.0%	-6.2%	-5.1%	-10.2%	-7.2%	25.3%
Chiến tranh thương mại	-0.9%	0.4%	-1.3%	-6.9%	-6.8%	-2.2%	9.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 4	0.5%	-1.6%	-0.7%	4.2%	13.5%	18.9%	44.8%
Danh mục 12	0.3%	-1.7%	1.2%	3.4%	8.5%	24.6%	91.4%
Danh mục 16	0.2%	-2.7%	-1.5%	1.1%	14.4%	24.8%	74.9%
Danh mục 10	-0.8%	-2.8%	-1.4%	-2.7%	2.8%	11.6%	56.9%
Danh mục 13	-0.9%	-3.2%	-2.2%	-0.9%	4.7%	11.2%	43.7%
* Note	11/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	0.8%	-2.3%	-1.2%	-1.0%	11.8%	45.0%	167.0%
Danh mục 23	0.6%	-1.7%	-1.1%	-1.9%	3.2%	38.9%	130.3%
Danh mục 20	0.2%	-0.4%	1.5%	3.2%	11.8%	21.3%	62.4%
Danh mục 22	0.0%	-2.9%	-1.3%	1.3%	11.0%	27.0%	73.4%
Danh mục 19	-0.3%	-1.3%	0.1%	4.3%	13.2%	27.6%	65.6%
* Note	6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.2%	-1.2%	2.0%	3.0%	2.7%	10.0%	51.5%
VN30INDEX	-0.1%	-1.8%	0.9%	4.0%	3.3%	4.4%	46.6%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/15/2019

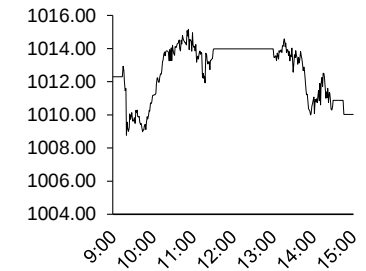
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

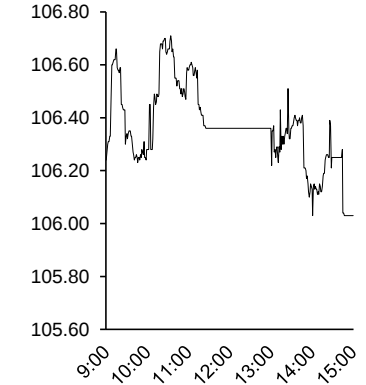
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	1.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.2%
Bán lẻ	1.0%
Ô tô và phụ tùng	1.0%
Bảo hiểm	0.7%
Công nghệ Thông tin	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Bất động sản	0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Hóa chất	0.0%
Y tế	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Dầu khí	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Ngân hàng	-0.6%
Truyền thông	-0.7%
Dịch vụ tài chính	-0.8%
Thực phẩm và đồ uống	-1.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

NDN_Vận động vững vàng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD duy trì trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: NDN đang trong quá trình vận động tích lũy ở khu vực 16.5-17.5 suốt hai tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có chiều hướng tăng trở lại. Đường MACD duy trì trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn nhiều. Tuy vậy, đường EMA12 vẫn chưa cắt lên trên đường EMA26 để xác nhận bắt đầu một kỳ tăng ngắn hạn. Ở một góc nhìn khác, cổ phiếu luôn thể hiện được sự vận động vững vàng cả trong thời kỳ tăng giá cũng như những khi tích lũy. Trong điều kiện thuận lợi và động lực thị trường đủ lớn, NDN sẽ rời khỏi vùng tích lũy và quay lại khu vực đỉnh lịch sử trong thời gian tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

Khả năng tăng trưởng lợi nhuận đột biến nhờ dự án Mornachy Block B. Trên BCTC bán niên 2019, khoản trả trước của người mua dự án này là 1,357.18 tỷ đồng. Dự báo vào Q4/2019 và Q1/2020, doanh thu ghi nhận từ Mornachy Block B sẽ trên 1,600 tỷ đồng, lợi nhuận gộp mức khoảng 600 tỷ đồng.

Tài chính lành mạnh, tỷ lệ sử dụng nợ vay thấp (24.2 tỷ, tương đương 1.2% tổng tài sản) nhờ chiếm dụng vốn từ các dự án bất động sản. Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn xấp xỉ 1,100 tỷ đồng theo BCTC 6T2019 thu được từ người mua trả tiền trước, cao gần gấp đôi vốn chủ.

Duy trì cổ tức ổn định ở mức 16%/năm.

Cập nhật KQKD

Lũy kế 6 tháng doanh thu thuần của NDN chỉ đạt 23.83 tỷ đồng (- 83.5%yoy) do chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu từ dự án Mornachy Block B. Tuy nhiên, LNST chỉ giảm 10.2%yoy xuống còn 43 tỷ đồng nhờ hoạt động tài chính khi doanh thu tài chính tăng nhẹ từ lãi tiền gửi ngân hàng còn chi phí tài chính giảm mạnh từ 30.22 tỷ đồng. 6T2018 xuống còn 2.47 tỷ đồng 6T2019 do: (1) Giảm dự phòng và lỗ từ các khoản đầu tư ngắn và dài hạn, (2) Tính đến hết tháng 6/2019, Công ty đã tắt toán 50% khoản vay liên quan đến đầu tư xây dựng nhà máy nước Ngọc Hồi.

Nguồn: Ibroker

Mã Gõ: Express NDN 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiền về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 15/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 15/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.83	-0.42%	-0.57%	7.60%	0.64%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.29	-0.13%	-0.48%	5.54%	-6.94%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.61	-1.47%	-1.39%	-0.10%	3.61%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1471.54	0.56%	0.25%	-0.63%	21.32%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.02	0.39%	-0.51%	-2.01%	19.14%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	898.41	-0.30%	-2.87%	-3.81%	1.09%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	507.93	-0.20%	-0.89%	0.18%	0.48%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.24	0.25%	1.45%	8.82%	39.01%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.90	0.00%	2.45%	8.17%	22.94%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.81	-0.31%	3.39%	1.75%	1.26%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	-1.47%	-1.47%	7.01%	7.01%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	108.05	0.09%	-0.96%	14.40%	-1.82%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.62	-0.82%	-4.00%	0.42%	-4.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3599.00	1.55%	-0.03%	-1.26%	-13.71%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1765.00	-0.73%	-2.49%	2.62%	-8.50%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	79.00	1.94%	-3.07%	-13.66%	5.33%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.75	1.03%	1.62%	3.86%	-30.02%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent giảm 9 US cent trong phiên vừa qua, xuống 62.28 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 35 US cent xuống 56.77 USD/thùng.
- Giá dầu thô Mỹ giảm trong phiên vừa qua do lượng tồn trữ của nước này tăng và sản lượng cao kỷ lục. Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ, tồn trữ dầu thô của nước này tuần qua tăng 2.2 triệu thùng, vượt xa mức 1.469 mà các nhà phân tích dự đoán. Sản lượng cũng tăng 200,000 thùng/ngày lên mức cao kỷ lục là 12.8 triệu thùng/ngày trong tuần qua. Như vậy, thị trường Mỹ sẽ dư cung dầu trong vài tuần tới.
- Tuy nhiên, đã giảm được hạn chế bởi Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) hạ dự báo về lượng dư cung mặt hàng này. Tổng thư ký OPEC, Mohammad Barkindo, ngày hôm qua đã hạ dự báo về dư cung dầu trong năm tới, mặc dù cũng hạ dự báo về nhu cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.7% lên 1,472.66 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.7% lên 1,473.4 USD/ounce. Giá vàng đã tăng trong phiên vừa qua khi các nhà đầu tư lại đẩy lên lo ngại về khả năng thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung sẽ chưa được ký kết, giữa bối cảnh những tài sản rủi ro giảm độ hấp dẫn đồng thời USD cũng yếu đi.
- Giới đầu tư lo ngại về thỏa thuận 'giai đoạn 1' vì có vẻ gặp vấn đề về nông sản. Cụ thể, việc đàm phán đang gặp khó khăn về mua bán nông sản khi Trung Quốc không muốn có thỏa thuận nghiêng về phía Mỹ. Trên thị trường lại xuất hiện làn sóng mua vàng vào. Mỹ và Trung Quốc khó có thể đạt được thỏa thuận chấm dứt cuộc chiến thương mại vĩnh viễn, kể cả cho tới năm tới. Trong khi đó, kinh tế Mỹ vẫn chứng tỏ đã tăng trưởng tốt.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 1.7% lên 619 CNY/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 2% lên 3,511 CNY (501.99 USD)/tấn, thép cuộn cán nóng tăng 2.7% lên 3,467 CNY/tấn. Giá thép trên thị trường Trung Quốc tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong vòng 7 tuần do Chính phủ tập trung cho các dự án hạ tầng cơ sở và hoạt động xây dựng các công trình mới sôi động lên.
- Nước này sẽ giảm tỷ lệ vốn tối thiểu bắt buộc đối với một số dự án cơ sở hạ tầng, đồng thời cho phép một số dự án gây quỹ thông qua việc phát hành các công cụ tài chính. Mặc dù đầu tư cho bất động sản và tăng trưởng doanh số trong lĩnh vực này chững lại, số công trình mới xây dựng ở Trung Quốc đã tăng 24.2% trong tháng 10.

Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London tăng 2.9% lên 1,411 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 03/2020 tăng 2.3% tương đương 2.2% lên 111.15 US cent/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 1.83% (0.26 US cent) lên 12.85 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 2.1% tương đương 6.8 USD lên 334.30 USD/tấn. Giá đường lên cao nhất gần 4 tháng do thời tiết gây lo ngại sẽ thiếu hụt nguồn cung trên toàn cầu.

SỬA MŨ CHO VUA, NHỎ GAI CHO HỔ

Có người thợ rèn nọ thường gánh đồ nghề đi khắp làng để sửa chữa đồ dùng cho mọi người. Vì ông làm việc khéo léo, lại tốt bụng và giá cả cũng phải chăng nên có rất đông khách hàng. Chỉ dựa vào công việc này mà ông có thể nuôi sống cả gia đình. Một hôm, ông lại gánh đồ nghề đi trên đường làng như mọi khi. Bỗng nghe tin Hoàng thượng sắp đi qua đây. Ông vội tránh vào vệ đường và cúi rạp xuống, hy vọng có cơ hội ngắm nhìn dung nhan thánh thượng.

Không ngờ, ông có cảm giác như là tiếng vó ngựa rất gần mình. Ông tò mò ngẩng đầu lên, thì thấy ngự giá của Hoàng thượng đang ở ngay trước mặt. Quá sợ hãi, ông vội dập đầu lia lịa xin tha tội. Hoá ra khi đi ngang qua người thợ rèn, Hoàng thượng nhìn thấy gánh đồ nghề bên cạnh ông nên nghĩ ông là một người thợ sửa chữa. Lúc này vương miện của Hoàng thượng đang có mấy chỗ lỏng lẻo vì xe quá xóc, nên nhà vua mới quyết định đỗ lại để sửa chữa. Người thợ rèn vội quỳ xuống bắt đầu sửa vương miện. Nhà vua thấy tay nghề của ông giỏi, nên rất ưng ý, thưởng ngay cho ông một trăm lạng bạc. Người thợ rèn sung sướng chạy như bay về nhà.

Nhưng ông chợt nhìn thấy có một con hổ ở bên vệ đường. Ông vô vùng sợ hãi song vội định thần lại, vì thấy con hổ hình như không có ác ý gì. Nó đang giơ cao một chân trước lên, nét mặt lộ rõ vẻ đau đớn. Ông lấy hết can đảm tiến lại phía con hổ, phát hiện chân nó bị một cái gai rất to đâm vào. Ông vội vàng lấy dụng cụ ra, giúp con hổ bỏ cái gai đó đi. Con hổ tỏ ra rất biết ơn và đền ơn ông một con hươu to. Người thợ rèn cảm thấy vô cùng tự hào và hãnh diện. Từ hôm đó, ông không gánh dụng cụ đi khắp nơi nữa, mà treo một cái biển to trước cổng nhà với nội dung: "Chuyên sửa mũ cho vua, nhỏ gai cho hổ". Nhưng cũng từ đó, công việc làm ăn của ông ngày càng sa sút, khiến gia đình khổn đốn.

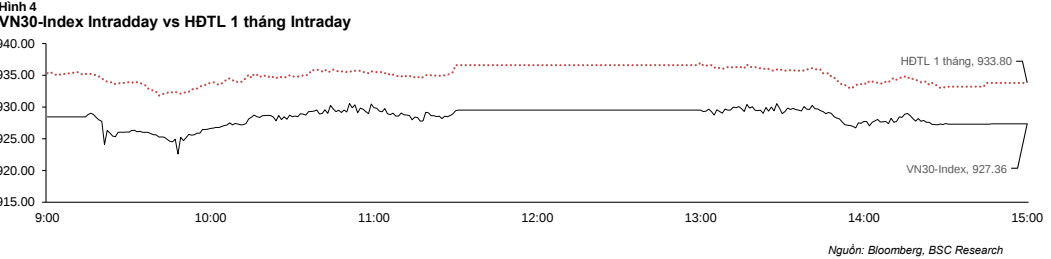
Qua câu chuyện kể trên, ta đều thấy:

Sai lầm của người thợ rèn là ông lấy vận may ngẫu nhiên để làm cơ sở lập nghiệp cả đời, lại còn không chăm chỉ làm việc!

Trong đầu tư chứng khoán cũng vậy, rất nhiều người “phát” lên nhờ một cơ hội đặc biệt mà trở nên tự huyền hoặc bản thân. Nhưng cơ hội này không phải lúc nào cũng có. Đầu tư chiến thắng thị trường là điều cực kỳ khó chỉ có thể đạt được nhờ một chiến lược đầu tư bài bản, có mục tiêu định hướng rõ ràng.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	933.80	-0.10%	6.44	30.0%	65798	11/21/2019	6
VN30F1912	935.50	-0.13%	8.14	64.3%	580	12/19/2019	34
VN30F2003	940.40	0.13%	13.04	-22.2%	14	3/19/2020	125
VN30F2006	939.30	0.07%	11.94	125.0%	54	6/18/2020	216

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -1.08 điểm xuống mức 927.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HDB, VCB, MSN, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm tiêu cực từ đầu phiên trước khi phục hồi và tích lũy dưới 930 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm nhẹ, vận động dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm cùng các chỉ báo động lượng cho thấy VN30 có thể vận động tích lũy quanh ngưỡng 930 điểm trong những phiên tới.
- HDTL có sự phân hóa về giá trong phiên hôm nay. VN30F1911 và VN30F1912 đều tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2006 đều giảm. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1904	MBS	11/19/2019	4	3:1	86,720	-40.6%	3.0 triệu	20.22%	1,700	2,440	10.91%	2,209.00	1.10
CHPG1905	SSI	12/30/2019	45	1:1	88,060	14.3%	1.0 triệu	25.89%	3,300	1,120	7.69%	670.90	1.67
CMWG1903	HSC	12/30/2019	45	5:1	49,970	-24.4%	2.0 triệu	20.68%	2,700	5,000	2.88%	4,801.30	1.04
CVRE1902	HSC	4/8/2020	145	4:1	398,970	10.3%	5.0 triệu	24.84%	1,300	1,660	1.84%	1,033.30	1.61
CMWG1902	VND	12/11/2019	26	4:1	69,830	87.9%	2.4 triệu	21.08%	2,990	6,950	0.72%	7,201.00	0.97
CFPT1906	HSC	4/8/2020	145	5:1	268,250	-23.6%	5.0 triệu	20.22%	1,700	1,760	0.57%	896.00	1.96
CFPT1907	VND	1/9/2020	55	2:1	26,640	-73.5%	2.0 triệu	20.22%	4,200	3,900	0.00%	3,079.90	1.27
CMBB1903	SSI	4/22/2020	159	1:1	57,710	8.4%	3.0 triệu	16.82%	4,000	3,610	-0.28%	1,683.40	2.14
CMWG1907	HSC	4/8/2020	145	10:1	419,490	-42.2%	5.0 triệu	20.68%	1,900	1,370	-0.72%	445.80	3.07
CVIC1902	SSI	4/22/2020	159	1:1	63,570	498.0%	1.0 triệu	17.77%	22,700	20,500	-1.25%	9,501.40	2.16
CSTB1901	KIS	1/9/2020	55	1:1	220,210	55.4%	1.5 triệu	19.71%	1,390	1,120	-1.75%	265.80	4.21
CMWG1904	SSI	12/30/2019	45	1:1	11,820	-74.1%	1.0 triệu	20.68%	14,000	29,560	-2.35%	29,025.60	1.02
CVJC1902	SSI	4/22/2020	159	1:1	70,130	N/A	1.0 triệu	14.94%	27,900	28,630	-2.45%	16,541.30	1.73
CFPT1905	SSI	4/22/2020	159	1:1	65,900	98.3%	1.0 triệu	20.22%	9,900	9,350	-2.60%	5,970.10	1.57
CVHM1902	SSI	4/22/2020	159	1:1	12,140	-42.4%	1.0 triệu	25.12%	18,600	20,500	-2.75%	14,379.30	1.43
CFPT1903	SSI	12/30/2019	45	1:1	24,010	-42.3%	2.0 triệu	20.22%	6,000	14,000	-2.78%	13,728.60	1.02
CMBB1905	HSC	4/8/2020	145	2:1	253,020	86.6%	5.0 triệu	16.82%	1,700	1,500	-4.46%	518.80	2.89
CREE1904	VND	1/9/2020	55	2:1	83,260	297.6%	3.0 triệu	23.63%	3,400	2,200	-5.58%	1,797.20	1.22
CMBB1902	HSC	12/17/2019	32	1:1	109,880	-78.3%	1.0 triệu	16.82%	3,200	3,300	-5.71%	1,139.90	2.89
CVNM1903	SSI	4/22/2020	159	1:1	29,880	90.1%	1.0 triệu	18.18%	26,600	21,000	-8.30%	8,724.40	2.41
CVNM1904	HSC	4/8/2020	145	10:1	304,260	479.5%	5.0 triệu	18.18%	1,900	1,250	-13.19%	263.70	4.74
CVNM1901	KIS	12/13/2020	394	10:1	452,420	-54.5%	5.0 triệu	18.18%	1,200	100	-33.33%	-	
CREE1901	MBS	11/19/2019	4	3:1	293,250	-50.2%	3.0 triệu	23.63%	1,260	60	-40.00%	63.60	0.94
Tổng:					3,459,390		59.90 triệu	20.21%**					
Chủ thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CREE1901 và CVNM1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -40.00% và -33.33%. Trái lại, CFPT1904 tăng mạnh nhất 10.91%. Thanh khoản thị trường giảm -24.74%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.68% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. FPT giảm mạnh sau khi lập đỉnh tại ngưỡng 61. Thanh khoản tăng trong những phiên gần đây đồng thuận cùng tín hiệu giảm bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của FPT có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.40	1.90	0.93
MWG	118.50	1.46	0.68
TCB	24.90	0.81	0.63
FPT	58.60	0.51	0.23
GAS	108.00	1.41	0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123.0	-2.30	-2.01
HDB	28.4	-2.24	-0.62
VCB	89.7	-1.32	-0.49
MSN	74.5	-0.93	-0.45
MBB	22.8	-0.87	-0.38

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1904	57,100	52,000	58,600
CHPG1905	93,300	23,100	22,650
CMWG1903	25,800	95,000	118,500
CVRE1902	37,700	32,500	35,200
CMWG1902	48,130	90,000	118,500
CFPT1906	65,500	57,000	58,600
CFPT1907	61,400	53,000	58,600
CMBB1903	26,000	22,000	22,750
CMWG1907	144,000	125,000	118,500
CVIC1902	137,700	115,000	119,600
CSTB1901	12,278	10,888	10,700
CMWG1904	165,000	90,000	118,500
CVJC1902	157,900	130,000	143,300
CFPT1905	64,900	55,000	58,600
CVHM1902	103,600	85,000	96,300
CFPT1903	51,140	45,140	58,600
CMBB1905	26,400	23,000	22,750
CREE1904	40,800	34,000	37,100
CMBB1902	26,300	21,800	22,750
CVNM1903	146,600	120,000	123,000
CVNM1904	152,000	133,000	123,000
CVNM1901	46,340	156,285	123,000
CREE1901	41,330	37,550	37,100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	118.5	1.5%	0.7	2,281	2.4	8,321	14.2	4.7	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.3	0.4%	1.0	825	1.5	4,839	17.6	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	73.2	-0.4%	1.3	2,231	0.4	1,889	38.7	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.3%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	119.6	0.3%	1.0	17,399	1.2	1,589	75.2	5.1	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.2	0.6%	1.1	3,564	9.6	1,033	34.1	2.9	32.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.5	0.0%	0.8	2,367	0.7	3,187	18.4	2.7	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	37.1	0.7%	1.0	500	1.1	5,614	6.6	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.7	0.3%	1.4	360	0.5	3,215	4.9	0.9	46.1%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.1	-1.6%	1.4	466	1.5	1,769	11.9	1.1	56.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.6	-1.3%	1.0	240	0.2	5,067	6.6	1.5	37.9%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.0	-1.4%	1.5	332	0.9	1,287	19.4	1.8	57.8%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.6	0.5%	0.8	1,728	6.5	4,688	12.5	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	108.0	1.4%	1.5	8,987	2.7	5,886	18.3	4.5	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.9	-0.3%	1.5	3,101	0.7	3,467	17.3	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.8	-0.5%	1.7	391	0.8	2,062	9.1	0.7	22.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.2	1.0%	0.8	1,375	1.3	1,163	8.8	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.0	-0.8%	0.5	546	0.0	4,535	21.2	4.0	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.0	-0.4%	0.7	238	0.2	650	21.6	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.0	0.0%	0.6	162	0.0	625	11.2	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.7	-1.3%	1.3	14,465	2.2	5,274	17.0	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	42.0	-1.2%	1.5	7,345	1.2	2,109	19.9	2.6	3.5%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.7	0.5%	1.6	3,513	2.4	1,641	13.2	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.4	1.9%	1.2	2,239	1.3	3,341	6.4	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.8	-0.9%	1.1	2,300	5.9	3,261	7.0	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.4	-0.4%	1.1	1,757	1.8	3,585	6.8	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.8	2.3%	0.8	188	0.2	5,073	10.4	1.7	80.1%	16.5%
NTP	Nhựa	32.3	0.0%	0.3	138	0.0	4,603	7.0	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.7%	1.2	649	0.0	732	20.6	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	0.0%	1.0	2,719	3.4	2,526	9.0	1.4	37.7%	17.4%
HSG	Thép	7.8	-1.1%	1.6	143	1.3	890	8.7	0.6	17.0%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	123.0	-2.3%	0.7	9,313	12.8	5,527	22.3	7.9	58.8%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	252.0	0.0%	0.8	7,026	0.4	7,365	34.2	9.0	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.5	-0.9%	1.2	3,786	0.9	4,512	16.5	2.6	40.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.8	0.0%	0.5	480	0.9	440	42.8	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	76.9	-1.3%	0.8	7,279	0.2	2,630	29.2	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.3	-0.1%	1.1	3,264	3.1	9,850	14.5	5.5	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	35.2	-1.1%	1.7	2,171	0.8	1,747	20.1	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.0	0.2%	0.8	323	0.3	1,949	12.8	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.7	2.3%	0.6	216	0.7	2,571	6.9	1.2	31.2%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.8	0.9%	0.9	597	0.7	8,338	10.3	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	-0.3%	0.8	365	0.1	1,398	13.4	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	-0.3%	0.8	248	0.1	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.9	-0.1%	0.7	229	0.2	9,842	7.0	0.6	48.1%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.4	0.4%	1.1	526	0.3	1,557	17.6	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.7	-0.8%	0.5	255	0.1	1,845	12.8	1.1	51.5%	8.8%
POW	Điện	13.5	0.4%	0.6	1,369	1.0	820	16.4	1.3	14.1%	7.8%
NT2	Điện	23.3	-0.4%	0.6	291	0.1	2,721	8.5	1.6	19.3%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	108.00	1.41	0.85	568170.00
VIC	119.60	0.25	0.30	238410.00
VPB	21.40	1.90	0.29	1.38MLN
MWG	118.50	1.46	0.22	477380.00
TCB	24.90	0.81	0.21	1.36MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	31.40	4.67	0.05	400.00
NVB	9.10	1.11	0.04	782700.00
DNP	16.50	3.13	0.03	16000.00
VCS	85.80	0.94	0.03	197400.00
SEB	34.60	9.84	0.02	1300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	123.00	-2.30	-1.49	2.38MLN
VCB	89.70	-1.32	-1.31	565270.00
BID	42.00	-1.18	-0.50	627650.00
MSN	74.50	-0.93	-0.24	275160.00
HDB	28.35	-2.24	-0.19	2.51MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.40	-0.41	-0.17	1.65MLN
MBG	52.20	-10.00	-0.11	487900.00
TIG	5.10	-7.27	-0.03	1.83MLN
PVS	18.80	-0.53	-0.03	1.01MLN
DHT	50.60	-2.88	-0.02	20900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGF	4.48	6.92	0.00	22220.00
DXV	3.42	6.88	0.00	20.00
CIG	2.18	6.86	0.00	23330.00
SJF	2.35	6.82	0.00	913460.00
TPC	11.75	6.82	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.30	50.0	0.00	79600.00
DST	1.00	11.1	0.00	105100.00
HBE	11.00	10.0	0.00	3600.00
SEB	34.60	9.8	0.02	1300.00
VNT	44.80	9.8	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITD	10.40	-10.34	-0.01	24520.00
HTT	1.20	-6.98	0.00	56100.00
PXI	2.00	-6.98	0.00	3500.00
FLC	4.16	-6.94	-0.07	18.60MLN
HAI	2.15	-6.93	-0.01	15.70MLN

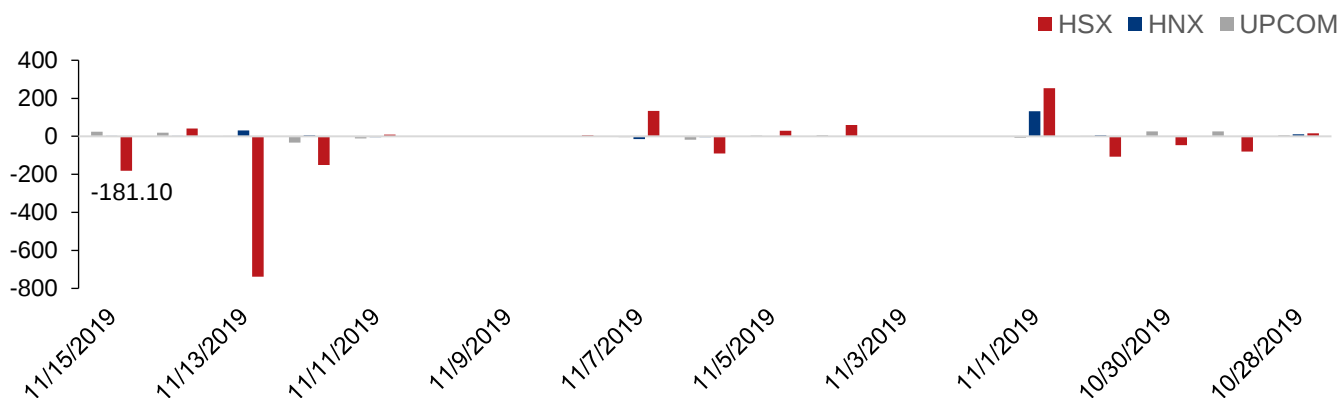
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	52.20	-10.00	-0.11	487900.00
DNC	31.80	-9.92	0.00	100.00
C69	11.10	-9.76	-0.01	94100.00
ALT	13.20	-9.59	0.00	1300.00
PMB	5.70	-9.52	0.00	10000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	35.0	9,530	3.7	1.8	Click
2	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	58.6	4,688	12.5	2.9	Click
3	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	25.9	3,491	7.4	1.2	Click
4	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	20.0	2,246	8.9	0.9	Click
5	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
6	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.5	4,512	16.5	2.6	Click
7	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	123.0	5,527	22.3	7.9	Click
8	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.3	2,887	7.7	1.5	Click
9	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.1	5,614	6.6	1.2	Click
10	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.6	14,958	5.3	1.5	Click
11	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.4	2,279	3.7	0.5	Click
12	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.4	3,585	6.8	1.6	Click
13	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.8	1,079	12.8	1.2	Click
14	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	89.7	5,274	17.0	4.1	Click
15	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.6	1,723	13.1	1.7	Click
16	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.8	3,261	7.0	1.3	Click
17	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	64.0	2,801	22.8	3.8	Click
18	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.0	1,949	12.8	1.2	Click
19	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.1	3,391	7.7	1.8	Click
20	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	58.6	4,688	12.5	2.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNST. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biên LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn